

Lớp	STTHS	Họ và tên		Nữ	Toán	Vật lý	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	Tiếng Anh	GDCD	Công nghệ	Thể dục	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	ĐTB	XLHL	XLHK	CP	KP	DH	KQ
7A7	18	Nguyễn Trần Hải	Nam		6.8	5.4	6.7	4.0	6.4	6.2	3.8	6.1	6.1	Đ	Đ	Đ	5.8	5.7	Tb	K	6	0		LL
7A8	6	Đoàn Thành	Danh		0.8	4.3	6.3	1.3	4.0	4.2	4.6	7.9	7.7	Đ	Đ	Đ	6.1	4.7	Kem	K	2	7		LB
7A8	25	Nguyễn Thị Bảo	Quyên	X	4.3	4.5	7.0	4.2	5.5	6.7	5.3	7.6	6.9	Đ	Đ	Đ	7.3	5.9	Tb	K				LL
7A8	34	Lưu Kim	Trưởng		3.8	5.1	6.1	3.8	3.6	3.9	6.8	7.5	7.1	Đ	Đ	Đ	6.5	5.4	Tb	K	0	5		LL
7A9	15	Trần Bích	Ngọc	X	3.5	4.0	6.1	5.0	5.5	5.0	4.3	7.4	6.3	Đ	Đ	Đ	6.5	5.4	Tb	K				LL
7A9	21	Cao Thái	Phúc		5.8	4.6	5.4	5.0	4.9	4.3	4.7	7.2	5.7	Đ	Đ	Đ	5.7	5.3	Tb	K	0	4		LL
7A10	6	Nguyễn Ngọc Thiên	Ân	X	8.3	3.9	6.2	4.7	5.7	4.9	3.5	6.8	6.1	Đ	Đ	Đ	6.5	5.7	Tb	K	4	3		LL

Tân Bình, ngày 23 tháng 6 năm 2022

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thanh Uyên